

NHẬN DIỆN VỀ “TRÍ THỨC” HIỆN NAY

BIÊN QUỐC THẮNG*

Ngày nay, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã đưa nhân loại chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức, từ chỗ lấy tài nguyên thiên nhiên, vốn đầu tư, nguồn lao động giá rẻ sang lấy trí tuệ, tri thức của con người làm nguồn lực quan trọng, tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia, động lực của mỗi dân tộc để thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững của mỗi đất nước. Vì vậy, vấn đề có ý nghĩa chiến lược, mang tính cấp thiết đối với mỗi quốc gia, dân tộc hiện nay là phải đầu tư xây dựng nguồn lực trí tuệ vững mạnh, phát huy tri thức của con người một cách có hiệu quả để đưa đất nước hòa nhập vào xu hướng phát triển mới của thời đại. Đối với Việt Nam, một quốc gia bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội từ điểm xuất phát thấp: nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ, năng suất lao động thấp và năng lực cạnh tranh kém. Ý thức được xu hướng phát triển của thời đại và thực trạng của đất nước, trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: “Cần khai thác và sử dụng nhiều nguồn lực khác nhau, trong đó nguồn lực con người là quý báu nhất, có vai trò quyết định, đặc biệt đối với nước ta, khi các nguồn lực tài chính và nguồn lực vật chất còn hạn hẹp”¹. Do đó, để thực hiện mục tiêu tổng quát phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đòi hỏi phải phát huy có hiệu quả các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực; trong đó, nội lực giữ vai trò quyết định nhất và “đội ngũ trí thức trở thành nguồn lực đặc biệt quan trọng”², tạo nên sức mạnh của đất nước trong chiến lược phát triển. Vì vậy, việc nhận diện chính xác trí thức, trên cơ sở đó đề ra các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng, phát huy có hiệu quả vai trò của lực lượng này nhằm đưa đất nước đi lên, có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới là một yêu cầu cấp bách đối với Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Xét về mặt thuật ngữ, “trí thức” có nguồn gốc từ tiếng La-tinh “Intelligentia” - nghĩa là sự thông thái, sự thông minh, có hiểu biết, có trí tuệ,... Với nghĩa như vậy, ở Châu Á, người Trung Quốc từ rất sớm (thời Xuân Thu - Chiến Quốc thế kỷ VIII-III trước CN) đã dùng từ “kê sĩ” hay “sĩ phu”; còn ở Châu Âu, phải đến thế kỷ XIX thuật ngữ “trí thức” mới được sử dụng rộng rãi. Mặc dù đã xuất hiện khá sớm trong lịch sử, nhưng do xuất phát từ nhiều góc độ, phương pháp tiếp cận, nên hiện nay trên thế giới cũng như ở Việt Nam đã có rất nhiều quan niệm khác nhau về trí thức cùng tồn tại, mỗi quan niệm đều có tính hợp lý của nó song chưa có một quan niệm nào được xem là hoàn chỉnh.

Trước hết, trong kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, trí thức là một trong những đối tượng thu hút các nhà kinh điển đặc biệt quan tâm. Theo C.Mác, xét về mặt nghề nghiệp, “trí thức hình thành làm ba nhóm, tương ứng với ba hình thức cơ bản của lao động trí óc... Hai hình thức lao động trí óc nằm trong lĩnh vực sản xuất phi vật chất, hình thức thứ ba của lao động trí óc nằm trong khu vực sản xuất vật

*ThS.; Giảng viên Trường Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Tr. 9.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Tr. 81.

chất gồm các nhà kỹ thuật và các kỹ sư”³. Với xuất phát điểm như trên, C.Mác khái quát trí thức là: “những bác sĩ, kỹ sư, nhà hóa học, nông học và các chuyên gia”⁴; đó là những người lao động trí óc, hoạt động vì lợi ích của bản thân và lợi ích của xã hội. Đối với Ph.Ăngghen, ông cho rằng: trí thức là những người lao động trí óc, “được hình thành từ hàng ngũ sinh viên”⁵, chủ yếu ở các trường đại học. Trong cách mạng vô sản, họ kề vai sát cánh với những công nhân lao động chân tay không chỉ để nắm lấy quyền quản lý bộ máy chính trị, mà còn cả toàn bộ nền sản xuất xã hội, ở đó “cần đến những kiến thức vững chắc, chứ không phải là những câu xuông xáo oang oang”¹. Còn V.I. Lênin, trong bối cảnh xây dựng chính quyền Xô viết, ông đánh giá rất cao vai trò của trí thức đối với quá trình chuyển đổi đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa: “Không có sự chỉ đạo của các chuyên gia am hiểu các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và có kinh nghiệm thì không thể nào chuyển lên chủ nghĩa xã hội được”². Với cách nhìn nhận đó, V.I. Lênin quan niệm: “Trí thức bao hàm không những chỉ các nhà trước tác mà thôi, mà còn bao hàm tất cả mọi người có học thức, các đại biểu của những nghề tự do nói chung, các đại biểu của những người lao động trí óc”³. Từ quan niệm trên của V.I.Lênin, chúng ta thấy: ông không chỉ đã kế thừa các quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, mà còn phát triển quan niệm về trí thức của mình ở phạm vi rộng hơn, linh hoạt hơn, không gò bó vào một tiêu chí nào cụ thể. Như vậy, theo quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin: trí thức không phải là một giai cấp mà là một tầng lớp xã hội đặc biệt, chuyên lao động trí óc phức tạp, là những người có trình độ học vấn và trình độ chuyên môn cao, đại diện tiêu biểu cho trí tuệ đương thời của xã hội. Bên cạnh đó, trí thức còn là những người có tư duy độc lập, có tính sáng tạo trong công việc; phổ biến và vận dụng trí thức để thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của xã hội.

Còn trong các từ điển như: *Đại từ điển Bách khoa Liên Xô* (1985) ghi: Trí thức là tầng lớp những người làm nghề lao động trí óc phức tạp, sáng tạo, phát triển và truyền bá văn hóa; Từ điển *Triết học*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va (1986) định nghĩa: Trí thức - tập đoàn xã hội bao gồm những người làm nghề lao động trí óc. Giới trí thức bao gồm: kỹ sư, kỹ thuật viên, thầy thuốc, luật sư, nghệ sĩ, thầy giáo và người làm công tác khoa học, một bộ phận lớn viên chức. Từ điển *Chủ nghĩa cộng sản khoa học*, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va (1986) viết: Trí thức - một nhóm xã hội bao gồm những người chuyên làm nghề lao động trí óc phức tạp và có học vấn, chuyên môn cần thiết cho ngành lao động đó. Tác giả Hồ Thu Nguyên (Trung Quốc) cho rằng: Trí thức là người hiểu trước, biết trước, rồi đem sự học hỏi của mình cống hiến cho tiến bộ nhân loại, xã hội và dân tộc⁴. Trong cuốn sách *Thực trạng và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới đất nước*⁵, tác giả Đàm Đức Vượng (2014) đã nêu lên quan niệm về trí thức ở một số nước như: Tại Mê-hi-cô, trí thức trước hết phải là những người nổi tiếng, có những đóng góp xuất sắc cho khoa học, cho đất nước, có nhiều công trình giá trị, được cả xã hội biết đến và thừa nhận; Ở Cuba quan niệm: những người học bậc phổ thông cũng được xem là trí thức; Còn ở Xin-ga-po: trí thức phải là những nhân tài, hiền tài thực sự, có những cống hiến, công trình, kết quả nghiên cứu đã được ứng

³ Nguyễn Văn Khánh (2004), *Trí thức với Đảng, Đảng với trí thức trong sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Tr. 14.

⁴ C.Mác, Ph.Ăngghen (2006), *Tuyển tập*, Tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Tr. 552.

⁵ C.Mác, Ph.Ăngghen (2006), *Sđđ*.

¹ C.Mác, Ph.Ăngghen (2006), *Sđđ*.

² V.I. Lênin (1975), *Toàn tập*, Tập 36, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, Tr. 217.

³ V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, Tập 8, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, Tr. 372.

⁴ Nguyễn Đắc Hưng (2009), *Trí thức Việt Nam bước vào thời kỳ hội nhập*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, Tr. 8.

⁵ Đàm Đức Vượng (2014), *Thực trạng và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020*, Nxb. Chính trị Quốc gia.

dụng vào trong đời sống xã hội,...

Cũng như trên thế giới, ở Việt Nam, quan niệm về trí thức cũng khá phong phú và đa dạng. Tiếp thu và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được vị trí và vai trò to lớn của trí thức đối với sự nghiệp cách mạng, Người đánh giá: “Trí thức là vốn liếng quý báu của dân tộc”⁶, và trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Hồ Chí Minh đưa ra quan niệm: “Trí thức là hiểu biết. Trong thế giới chỉ có hai thứ hiểu biết: một là hiểu biết sự tranh đấu sinh sản. Khoa học tự nhiên do đó mà ra. Hai là hiểu biết tranh đấu dân tộc và tranh đấu xã hội. Khoa học xã hội do đó mà ra. Ngoài hai cái đó, không có trí thức nào khác”⁷. Như vậy, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, bên cạnh tri thức, sự hiểu biết, người trí thức còn phải biết lấy tri thức, sự hiểu biết của mình để phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc; phải đồng hành cùng nhân dân tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước độc lập, nhân dân tự do, ấm no, hạnh phúc. Quan niệm trên của Hồ Chí Minh không chỉ phê bình “trí thức nửa mùa”, mà còn cho chúng ta cơ sở quan trọng để phân biệt những người trí thức thực thụ với những người mang danh trí thức nhưng lại không có đóng góp gì cho sự phát triển của xã hội. Kế thừa các quan điểm trước đó, đặc biệt là dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như căn cứ vào bối cảnh trong nước và quốc tế, tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X, lần đầu tiên Đảng ta đã đưa ra định nghĩa về trí thức: “Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội”⁸.

Bên cạnh đó, trong *Từ điển Tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1994, định nghĩa: Trí thức là người chuyên làm việc trí óc và có tri thức chuyên môn cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp của mình. Trong *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2005 viết: Trí thức là tầng lớp xã hội làm nghề lao động trí óc, trong đó, bộ phận chủ yếu là những người có học vấn cao, hiểu biết sâu rộng về chuyên môn của mình, có sáng tạo và phát minh. Ngoài ra, trong thời kỳ đổi mới, một số nhà khoa học nước ta đã đưa ra các quan niệm về trí thức như: tác giả Ngô Thị Phụng (2007) định nghĩa: “Trí thức là một tầng lớp xã hội bao gồm những người lao động trí óc phức tạp, có trình độ học vấn và chuyên môn cao, có khả năng sáng tạo tri thức khoa học mới, đồng thời truyền bá và ứng dụng tri thức này vào thực tiễn, góp phần to lớn vào sự phát triển và trình độ văn minh của nhân loại”⁹, hay tác giả Đàm Đức Vượng (2014) cho rằng: “Trí thức là người lao động trí óc, có trình độ phát triển về trí tuệ, có hiểu biết sâu về một lĩnh vực chuyên môn, thường có trình độ đại học trở lên, có năng lực sáng tạo, nhạy bén với cái mới và quan tâm đến đổi mới để phát triển”¹⁰.

Như vậy, dù ở phương Đông hay phương Tây, ở trong nước hay ngoài nước đều có những cách tiếp cận, lý giải, quan niệm về trí thức khác nhau. Mặc dù có rất nhiều quan niệm khái niệm hay định nghĩa về trí thức, nhưng tựu trung lại có thể kể ra một số loại ý kiến như: trí thức là người có trình độ học vấn cao, lao động trí óc, có khả năng sáng tạo ra cái mới, có đạo đức và nhân cách, đem sự hiểu biết cống hiến cho xã hội,... Chúng tôi tán thành với tác giả Đỗ Thị Thạch khi cho rằng, những quan

⁶ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, Tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Tr. 156.

⁷ *Sđđ*, Tr. 235.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Sđđ*, Tr. 81 - 82.

⁹ Ngô Thị Phụng (2007), *Đội ngũ trí thức khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Tr. 16.

¹⁰ Đàm Đức Vượng (2014), *Sđđ*, Tr. 30.

điểm trên đã chỉ ra được các dấu hiệu, đặc trưng cơ bản của người trí thức như: trình độ học vấn, lao động trí óc, khả năng sáng tạo, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm với xã hội. Tuy nhiên, các quan điểm trên chưa diễn đạt được một cách đầy đủ đặc trưng cơ bản của người trí thức, có quan điểm quá nhấn mạnh mặt này nhưng lại xem nhẹ mặt khác, do đó rất khó để phân biệt trí thức với các tầng lớp khác trong xã hội. Ví như đồng nhất trí thức với lao động trí óc, coi tất cả những người lao động trí óc đều là trí thức thì chưa chỉ ra được tính sáng tạo trong lao động của người trí thức. Quan niệm này rất cuộc đặt người lao động trí óc ở mức độ giản đơn có tính bất chước, rập khuôn với người lao động trí óc có tính phát minh, tìm tòi cái mới vào cùng một đội ngũ. Hoặc nếu chỉ nhấn mạnh đến đặc trưng trình độ học vấn từ cao đẳng, đại học trở lên thì không tránh khỏi tình trạng “gạt” ra ngoài đội ngũ trí thức nhiều người có tài năng sáng tạo nhưng không có bằng cấp. Hay, nếu chỉ căn cứ vào thước đo hàm lượng trí tuệ, sức sáng tạo để nhận biết người trí thức thì rõ ràng chỉ có thể đưa vào tầng lớp trí thức những nhà khoa học, những nhà trước tác có thành tựu lớn và có công trình khoa học, còn đội ngũ đông đảo những người có bằng đại học, cao đẳng đang bước đầu đi vào con đường nghiên cứu, mặc dù còn ít công trình khoa học nhưng rất nhiều triển vọng sẽ bị gạt ra ngoài đội ngũ trí thức¹⁶. Vì vậy, để nhận diện một cách chân thực, chính xác nội hàm về trí thức, theo chúng tôi nên dựa trên các đặc trưng cơ bản như sau:

- *Trí thức không phải là một giai cấp mà là một tầng lớp đặc biệt trong xã hội.* Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tiêu chí quan trọng nhất để xác định giai cấp là phải đại diện cho một phương thức sản xuất nhất định và có hệ tư tưởng riêng. Đối với trí thức, trong quá trình phân công lao động xã hội, họ không có quan hệ sở hữu riêng, trực tiếp về tư liệu sản xuất và cũng không có hệ tư tưởng riêng. Thế nên, trí thức không đại biểu cho một phương thức sản xuất nhất định, vì vậy, họ không hoàn toàn thuộc riêng về một giai cấp, tầng lớp nào trong xã hội. Tuy nhiên, khi xã hội có giai cấp, có dân tộc, trí thức bao giờ cũng vừa thuộc về giai cấp này hay giai cấp khác, vừa tồn tại như một tầng lớp riêng; trí thức không bao giờ tồn tại với tư cách là một giai cấp, hay “phi giai cấp”, hoặc “siêu giai cấp”, đứng trên các giai cấp. Sở dĩ như vậy là do đặc thù về lao động buộc trí thức phải luôn gắn bó với một giai cấp, tầng lớp nhất định trong xã hội và thường là giai cấp thống trị. Mối quan hệ giữa trí thức và giai cấp thống trị là mối quan hệ tương hỗ: một mặt “trong mỗi một thể chế chính trị cụ thể, trí thức nói chung là do chính hệ thống giáo dục và đường lối đào tạo của nhà nước của giai cấp thống trị ấy tạo ra nhằm phục vụ cho các mục đích của mình”¹⁷; mặt khác, “việc phục vụ cho chế độ và giai cấp thống trị là điều kiện cần thiết để bảo đảm sự tồn tại và những lợi ích của họ”¹⁸. Do đó, xét về phương diện chính trị, mặc dù trí thức không có hệ tư tưởng riêng, song lại có vai trò rất quan trọng trong việc tổng kết thực tiễn, khái quát thành lý luận để xây dựng hệ tư tưởng cho giai cấp thống trị - thế lực cầm quyền. Vì thế, tính giai cấp, phẩm chất, nhân cách của trí thức thường là do tư tưởng của giai cấp thống trị quy định. Bên cạnh đó, do không có quan hệ riêng và trực tiếp về sở hữu tư liệu sản xuất, cũng như có nguồn gốc xuất thân rất đa dạng, nên trong xã hội trí thức là một tầng lớp trung dung. Khi cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra, trí thức sẽ bị phân hóa và ngã theo những lực lượng, giai cấp khác nhau. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn có những nhóm trí thức có tính độc lập tương đối về mặt tư tưởng, quan điểm, tâm trạng, cảm xúc, lối

¹⁶ Đỗ Thị Thạch (2005), *Phát huy nguồn lực trí thức nữ Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Tr. 13 - 14.

¹⁷ Trường Lưu (2008), “Xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới”, Tạp chí *Cộng sản*, Số 791, Tr. 7.

¹⁸ Trường Lưu (2008), *Sđd*, Số 791, Tr. 7.

sống... do không bị phụ thuộc vào các quan hệ lao động hay quan hệ sản xuất trực tiếp với các giai cấp khác trong xã hội.

- *Trí thức là người lao động trí óc phức tạp.* Lao động là hoạt động có mục đích riêng của con người. Thông qua lao động, con người tác động vào giới tự nhiên, cải biến chúng thành những vật có ích nhằm đáp ứng nhu cầu tồn tại của con người. Trong mọi thời đại, con người tác động vào giới tự nhiên không giống nhau, có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua lao động chân tay hoặc lao động trí óc. Xét về bản chất, hai hình thức lao động trên là khác nhau, nhưng không đối lập mà thống nhất, quan hệ biện chứng với nhau. Có sự thống nhất và mối quan hệ biện chứng là do bất cứ hoạt động lao động nào cũng có sự tham gia hai yếu tố quan trọng là bàn tay và đầu óc của con người. Vì lẽ đó, C.Mác đã viết: “Một người riêng rẽ không thể tác động đến tự nhiên nếu không vận động các bắp thịt của mình dưới sự kiểm soát của bộ não của mình. Cũng như trong hệ thống tự nhiên, đầu và tay gắn với nhau, thì trong quá trình lao động, lao động trí óc và lao động chân tay cũng kết hợp lại với nhau”¹⁹. Tuy nhiên, lao động trí óc có nhiều dạng khác nhau. Xét một cách chung nhất gồm có lao động trí óc giản đơn và lao động trí óc phức tạp. Sự phân biệt hai dạng này chủ yếu dựa trên mức độ hao phí năng lượng thần kinh trung ương trong quá trình lao động. So với lao động trí óc giản đơn thì lao động trí óc phức tạp có sự hao phí năng lượng thần kinh trung ương cao hơn. Nếu như lao động trí óc phức tạp phải phát huy cao độ khả năng tư duy để phân tích, so sánh, quy nạp, diễn dịch, khái quát hóa, trừu tượng hóa,... về các sự vật, hiện tượng ở trong tự nhiên, xã hội và chính bản thân con người để hình thành tri thức lý luận, tri thức khoa học; thì lao động trí óc giản đơn chỉ là những hoạt động có tính chất lặp đi lặp lại nhiều lần, từ đó dần dần thành những thói quen, phản xạ. Do đó, “Lao động trí óc giản đơn thường không tạo ra tri thức khoa học mới mà chỉ tạo ra những tri thức kinh nghiệm thông thường”²⁰. Vậy nên, “Lao động phức tạp... chỉ là lao động giản đơn được nâng lên lũy thừa, hay nói cho đúng hơn, là lao động giản đơn được nhân lên”²¹; sản phẩm của người lao động trí óc phức tạp thường có giá trị cao hơn gấp nhiều lần so với sản phẩm của người lao động giản đơn.

- *Trí thức là người có tư duy độc lập và sáng tạo.* Do sự vận động và phát triển không ngừng của xã hội, cũng như khát vọng đi đến cùng để tìm ra chân lý, công bằng, lẽ phải để thúc đẩy tiến bộ xã hội,... nên đặc thù lao động của trí thức là lao động sáng tạo. Đây là hình thức lao động đòi hỏi tính độc lập cao trong tư duy, không rập khuôn, không làm theo những gì có sẵn và bằng lòng với những gì đã có; mà chủ thể lao động phải luôn suy nghĩ, tìm tòi, khám phá cái mới, cái phù hợp, cái tối ưu để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, xu hướng vận động của thời đại. Để tiến hành hoạt động đó, đòi hỏi người trí thức không chỉ có hệ thống tri thức khoa học cao, cách thức làm việc chuyên nghiệp, thế giới quan biện chứng, mà còn phải có năng khiếu bẩm sinh, ý chí, nỗ lực, kể cả sự nhạy bén trong tư duy, sự thăng hoa của cảm xúc. Do vậy, “Sự sáng tạo đó không phải ai cũng có và không phải xuất hiện bất kỳ lúc nào”²², mà nó thường có mầm mống và được tích lũy dần theo thời gian thông qua quá trình giáo dục và đào tạo, kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, cũng như được nảy sinh trong quá trình say mê nghiên cứu, khám phá, biểu đạt,... Thế nên, sản phẩm lao động của trí thức thường là những tri thức khoa học, có hàm lượng chất xám cao, có sức lan tỏa lớn trong xã hội. Sản phẩm đó

¹⁹ C.Mác, Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, Tập 23, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Tr. 718.

²⁰ C.Mác, Ph.Ăngghen, *Sđd*, Tr. 278.

²¹ C.Mác, Ph. Ăngghen, *Sđd*, Tr. 75.

²² Nguyễn Thị Thơm (2012), “Tạo động lực và môi trường để phát huy tính sáng tạo của đội ngũ trí thức”, Tạp chí *Lý luận chính trị*, Số 11, Tr. 32.

mang tính trung thực, sự kế thừa, phát triển và đậm dấu ấn của cá nhân. Sản phẩm đó có thể là các giá trị vật chất, hay cũng có thể là các giá trị ở dạng tinh thần. Bên cạnh đó, với vốn hiểu biết sâu rộng, lòng tự trọng và có trách nhiệm cao đối với xã hội,... nên trí thức thường nhạy cảm với thời cuộc, nắm chắc được các quy luật và tính quy luật vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội, tư duy; do đó trí thức có thể dự báo được tương lai. Trước những vấn đề của hiện thực, trí thức thường quan tâm và bằng niềm tin khoa học, đạo đức trong sáng, trí thức thường dũng cảm nêu lên chính kiến của riêng mình. Chính kiến đó có thể là ý kiến tán thành hoặc cũng có thể là ý kiến phê phán, phản biện, cảnh báo,... nhưng tất cả đều hướng tới một mục đích cao cả là: sự tự do, dân chủ, công bằng, bình đẳng, hạnh phúc cho nhân dân; khát khao vươn tới các giá trị chân - thiện - mỹ. Do đó, trong xã hội, trí thức là người “có tư cách dẫn đường cho văn hóa, cho học thuật, có trách nhiệm hướng dẫn đời sống tinh thần của xã hội”²³. Vì vậy, C.Mác đã nhắc nhở những người trí thức phải đấu tranh cho sự tiến bộ của xã hội: “Trí thức là những người có đủ tri thức để quan tâm và có chính kiến riêng đối với các vấn đề của xã hội, nên họ phải là những người phê bình không nhân nhượng những gì đang hiện hữu..., không nhân nhượng với chính quyền, bất cứ chính quyền nào”²⁴.

- *Trí thức là người có trình độ học vấn và trình độ chuyên môn cao.* Trình độ học vấn là mức độ hay khả năng hiểu biết của con người do quá trình học tập có được. Do đặc thù lao động của trí thức là lao động trí óc phức tạp, sáng tạo ra các tri thức khoa học nên trí thức phải là người có một trình độ học vấn nhất định. Tuy nhiên, dấu hiệu này phụ thuộc vào lịch sử, thời đại, điều kiện kinh tế - xã hội,... của mỗi quốc gia, dân tộc. Thế nên, mỗi quốc gia, dân tộc có những chuẩn mực không giống nhau về tiêu chí này. Đối với nước ta hiện nay, chúng tôi tán thành với nhiều quan điểm cho rằng: tiêu chuẩn học vấn của người trí thức ít nhất phải tốt nghiệp từ trình độ đại học trở lên, nếu “thiếu học vấn tương đương đại học thì chẳng thể coi là trí thức”²⁵. Bởi vì, theo mục tiêu của giáo dục đại học mà Luật Giáo dục năm 2005 quy định: chỉ từ bậc đào tạo đại học trở lên mới trang bị cho người học có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo. Với một trình độ kiến thức ban đầu được đào tạo ở trường học như vậy, người trí thức mới có tư duy độc lập, năng lực sáng tạo, nhạy bén trước thời cuộc,... Vì vậy, so với mặt bằng chung của xã hội, trí thức chủ yếu là những người có trình độ học vấn cao hơn. Tuy nhiên, bằng cấp mới chỉ là điều kiện cần, là dấu hiệu để xác định trí thức chứ chưa phải là điều kiện đủ để trở thành người trí thức. Trên thực tế ở Việt Nam cũng như trên thế giới, có những người dù không có bằng cấp cao nhưng do tư chất thông minh, tinh thần chịu khó tìm tòi, học hỏi nên có kiến thức rất sâu rộng, có nhiều sáng tạo được xã hội ghi nhận như là một trí thức thực thụ. Ngược lại, có những người dù có trình độ đại học hay sau đại học, nhưng lao động của họ không phải là lao động trí óc phức tạp và sáng tạo thì chưa thể coi là trí thức. Vậy nên, Giáo sư Vũ Khiêu có lý khi cho rằng: “Không thể căn cứ vào một trình độ kiến thức để xác định ai là trí thức. Giới trí thức cũng không bao giờ gồm một số nghề nghiệp. Sự tiếp cận tĩnh tại không làm cho chúng ta hiểu rõ hơn khái niệm phát sinh về người trí thức”²⁶. Bên cạnh trình độ học vấn cao, trí thức còn phải là người có trình độ chuyên môn cao. Trình độ chuyên môn là những kiến thức chuyên sâu về một lĩnh vực nhất định. Đó là kết quả của sự đào tạo, bồi dưỡng và sự nỗ lực, tích lũy tri thức của bản

²³ Đặng Hữu (2008), “Đội ngũ trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức”, Tạp chí *Lý luận Chính trị*, Số 7, Tr. 18.

²⁴ Đặng Hữu, *Sđd*.

²⁵ Phạm Tất Dong (2006), *Trí thức Việt Nam - thực trạng và triển vọng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Tr. 21.

²⁶ Phạm Tất Dong (2006), *Sđd*, Tr. 21.

thân bằng con đường tự đào tạo, tự hoàn thiện; cùng với đó là những tri thức kinh nghiệm được đúc kết từ hoạt động thực tiễn.

- *Trí thức là người truyền bá và áp dụng tri thức vào thực tiễn.* Trí thức không chỉ là người sáng tạo ra tri thức, mà còn là người có vai trò truyền bá và làm giàu tri thức. “Truyền bá tri thức khoa học là quá trình phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học đến người khác và đến toàn xã hội. Thực chất, đó là quá trình xã hội hóa các kết quả nghiên cứu của trí thức”²⁷. Chính nhờ có quá trình truyền bá tri thức mà dung lượng tri thức trong xã hội được bổ sung, hoàn thiện, phát triển và ngày càng “giàu lên” theo thời gian. Bằng các hoạt động như: giáo dục và đào tạo, xuất bản, biên dịch, dịch thuật, tuyên truyền; với các hình thức như: sách, báo, tạp chí, truyền hình, truyền thanh, mạng xã hội, trí thức không chỉ góp phần nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân, mà còn thực hiện trí tuệ hóa lao động cả trong sản xuất vật chất lẫn tinh thần. Quá trình truyền bá tri thức là nhu cầu, nhưng đồng thời cũng là trách nhiệm của chính bản thân người trí thức, đó là nhu cầu được xã hội thừa nhận và trách nhiệm trước sự tiến bộ, phát triển của xã hội. Do đó, sáng tạo và truyền bá tri thức là hai mặt, hai nhu cầu khách quan, có sự kế tiếp và bổ sung cho nhau: “Sự sáng tạo mà không có quá trình truyền bá, những tri thức khoa học mới nếu không được xã hội hóa thì sẽ chẳng có ý nghĩa. Cơ sở của sự truyền bá tri thức là sự sáng tạo tri thức khoa học mới”²⁸. Vì vậy, hoạt động sáng tạo và truyền bá của trí thức thường không tách rời nhau, mà có mối quan hệ biện chứng với nhau. Bởi vì, ngay trong sự sáng tạo tri thức, chúng ta đã bắt đầu thấy người trí thức thực hiện sự truyền bá tri thức và ngược lại, trong hoạt động truyền bá tri thức cũng luôn có sự sáng tạo tri thức. Sáng tạo và truyền bá tri thức cũng chính là khả năng áp dụng tri thức của người trí thức vào thực tiễn, góp phần thúc đẩy xã hội phát triển. Sinh thời, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh đến sự cống hiến, tính thực hành của người trí thức, đồng thời phê phán những người chỉ biết lý luận suông: “Một người học xong đại học, có thể gọi là trí thức. Song y không biết cày ruộng, không biết làm công, không biết đánh giặc, không biết làm nhiều việc khác. Nói tóm lại: công việc thực tế, y không biết gì cả. Thế là y chỉ có trí thức một nửa. Trí thức của y là trí thức học sách, chưa phải trí thức hoàn toàn. Y muốn thành một người trí thức hoàn toàn, thì phải biết đem trí thức đó áp dụng vào thực tế”²⁹. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, một người có trình độ học vấn cao chỉ là điều kiện cần chứ chưa phải là điều kiện đủ để trở thành người trí thức. Do đó, bên cạnh trình độ học vấn cao, người được coi là trí thức phải đem sự hiểu biết của bản thân áp dụng vào thực tiễn, phục vụ nhân dân, thúc đẩy xã hội phát triển, có như thế mới trở thành người trí thức chân chính. Người trí thức chân chính không chỉ có tài mà còn phải có đạo đức, trong đó đạo đức là gốc, không có đạo đức thì có tài cũng vô dụng. Thế nên, nếu như một người nào đó thiếu đức độ, lương tri, thì cho dù có trình độ học vấn cao cũng chỉ là người có bằng cấp, là người làm việc trí óc, chứ chưa thể xem là người trí thức đúng nghĩa.

Như vậy, từ các đặc trưng cơ bản nêu trên, chúng tôi cho rằng: *trí thức là một tầng lớp đặc biệt trong xã hội, đặc thù bởi phương thức lao động trí óc phức tạp, có tư duy độc lập, sáng tạo, có trình độ học vấn và chuyên môn cao, là lực lượng chủ yếu truyền bá và áp dụng tri thức vào thực tiễn, góp phần thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của xã hội.*

Tóm lại, xét đến cùng, trí thức là sản phẩm của một phương thức sản xuất nhất định. Do sự vận động, biến đổi liên tục của phương thức sản xuất nên nguồn gốc ra đời, quá trình phát triển

²⁷ Ngô Thị Phượng (2007), *Sđd*, Tr. 30.

²⁸ Ngô Thị Phượng (2007), *Sđd*, Tr. 32 - 32.

²⁹ Hồ Chí Minh (1995), *Sđd*, Tr. 235.

cũng như chức năng, vai trò của trí thức không theo ý muốn chủ quan của con người mà thường gắn liền với sự hình thành, phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc và thời đại. Thế nên, trí thức là một phạm trù lịch sử, ở những thời điểm khác nhau, góc nhìn khác nhau, phương pháp tiếp cận khác nhau sẽ có cách hiểu về trí thức không giống nhau. Chính vì vậy, khái niệm và các tiêu chí để nhận diện về trí thức như đã phân tích ở trên cũng chỉ có ý nghĩa tương đối, “không thể bao quát được hết các đối tượng trí thức cụ thể và những trường hợp ngoại lệ”³⁰. Từ đó đòi hỏi, khi nhận diện cũng như khi thực hiện công tác trí thức phải quán triệt sâu sắc quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể; nếu mang định kiến chính trị hay ý kiến chủ quan, không dựa trên sự vận động biến đổi của thế giới trong từng giai đoạn phát triển lịch sử và đặc điểm văn hóa của từng vùng, miền, từng quốc gia, dân tộc sẽ dẫn đến nhận thức đối tượng một cách phiến diện, thiếu khách quan và không chính xác.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Phạm Tất Dong (2006), *Trí thức Việt Nam - thực trạng và triển vọng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Đắc Hưng (2009), *Trí thức Việt Nam bước vào thời kỳ hội nhập*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Đặng Hữu (2008), “Đội ngũ trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức”, Tạp chí *Lý luận Chính trị*.
6. Nguyễn Văn Khánh (2004), *Trí thức với Đảng, Đảng với trí thức trong sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. V.I. Lênin (1975), *Toàn tập*, Tập 36, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va.
8. V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, Tập 8, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va.
9. Trường Lưu (2008), “Xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới”, Tạp chí *Cộng sản*.
10. C.Mác, Ph. Ăngghen (1993), *Toàn tập*, Tập 23, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. C.Mác, Ph. Ăngghen (1994), *Toàn tập*, Tập 22, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova.
12. C.Mác - Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, Tập 20, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
13. C.Mác, Ph.Ăngghen (2006), *Tuyển tập*, Tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, Tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
15. Ngô Thị Phương (2007), *Đội ngũ trí thức khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Đỗ Thị Thạch (2005), *Phát huy nguồn lực trí thức nữ Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

³⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Sđd*, Tr. 66.

17. Nguyễn Thị Thơm (2012), “Tạo động lực và môi trường để phát huy tính sáng tạo của đội ngũ trí thức”, Tạp chí *Lý luận chính trị*.
18. Đàm Đức Vượng (2014), *Thực trạng và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.